

Bản án số: 42/2017/HSST
Ngày: 03-7-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Tân

Bà Nguyễn Thị Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan-Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ràng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2017/HSST ngày 24 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

NGUYỄN NGỌC D, sinh năm: 1985 tại tỉnh Bến Tre;

Nơi cư trú: Số A, ấp NN, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

Nghề nghiệp: làm thuê;

Trình độ văn hoá: 10/12;

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1953 và bà Võ Thị B, sinh năm: 1955;

Vợ: Lê Thị Hoàng O, sinh năm: 1989;

Tiền án: không;

Tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

* Người bị hại:

Bà Huỳnh N, sinh năm: 1987 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp PT, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1958 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp NN, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Khu phố D, Phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Nguyễn Thị Trúc T, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Đường NĐC, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Ngọc D bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 03/7/2016, Nguyễn Ngọc D đến nhà ông Huỳnh Quốc Đ, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Tổ 6, khu phố , phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre để dự tiệc tân gia. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, trong lúc đi vệ sinh, D phát hiện chiếc túi xách màu đen của bà Huỳnh N để trên nền gạch gần cửa ra vào phòng ngủ của ông Đ và không người trông coi nên nảy sinh ý định lục tìm tài sản để lấy trộm. Để thực hiện ý định, D lén đến mở túi xách của bà Huỳnh N ra xem, thấy có 01 điện thoại di động hiệu Samsung A7, màu vàng liền lấy chiếc điện thoại này bỏ vào túi quần rồi ra ngoài nhờ Trần Văn H, sinh năm: 1972, Nơi cư trú: ấp NN, xã NT, thành phố BT chở D ra đầu hẻm nhà ông Đ để đón xe về thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng khi ra đến đầu hẻm nhà ông Đ, D không đón xe đi thành phố Hồ Chí Minh mà thuê xe ôm chở đến tiệm game bắn cá ở Phường Đ, thành phố BT chơi. Tại đây, D tháo sim điện thoại hiệu Mobiphone trong điện thoại của bà Huỳnh N ra cất giữ rồi nhờ một người bạn (không rõ họ, tên và địa chỉ) đem chiếc điện thoại di động vừa trộm được của bà Huỳnh N đến tiệm cầm đồ TT ở số 154A, NĐC, Phường B, thành phố BT cầm được 3.500.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 04/7/2016, D đến tiệm mua bán điện thoại Tấn P ở số 305D, khu phố D, Phường F, thành phố BT gặp ông Nguyễn Tấn P nói D có cầm 01 điện thoại di động ở tiệm TT, nếu anh P chuộc lại được giá cho D thêm 200.000 đồng thì ông P đồng ý nên D đưa giấy cầm điện thoại của bà Huỳnh N cho ông P đến tiệm TT chuộc lại điện thoại và đưa thêm cho D 200.000 đồng. Sau đó, hành vi của D bị phát hiện và D nhờ ông Nguyễn Văn M (chú ruột D) đem sim điện thoại hiệu Mobiphone mà D cất giữ đến Cơ quan Công an giao nộp.

Vật chứng thu giữ:

-01 điện thoại di động hiệu Samsung A7, màu Gold (vàng), số Imei: 356209/06/786273/7 và 01 sim điện thoại Mobiphone đã qua sử dụng (do Nguyễn Tấn Phong giao nộp).

-01 sim điện thoại Mobiphone đã qua sử dụng (do ông Nguyễn Văn M giao nộp).

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 906/KL-HĐĐG ngày 17/8/2016 và số 377/KL-HĐĐG ngày 25/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố BT kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A7, màu Gold (vàng), số Imei: 356209/06/786273/7 trị giá vào ngày 03/7/2016 là 4.500.000 đồng.

- 02 sim Mobiphone đã qua sử dụng trị giá vào ngày 03/7/2016 là 5.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 40/KSĐT-KT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D từ 6 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng đến 18 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; Ghi nhận người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P đã nhận lại 3.800.000đồng và không có yêu cầu gì khác;

Bị cáo Nguyễn Ngọc D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định, đồng thời yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Ngọc D tại phiên toà phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với biên bản thực nghiệm điều tra, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 12 giờ ngày 03/7/2016, tại nhà không số ở tổ F, khu phố D, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Ngọc D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Huỳnh N 01 điện thoại di động hiệu Samsung A7, màu Gold (vàng), trị giá 4.500.000 đồng và 02 sim điện thoại hiệu Mobiphone, trị giá 5.000đồng. Tổng giá trị tài sản mà D chiếm đoạt của bà Huỳnh N là 4.505.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Ngọc D là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, vì động cơ tư lợi bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân có giá trị trên hai triệu đồng nhưng chưa đến năm mươi triệu đồng với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật Hình sự bảo vệ. Vì vậy, cáo trạng số 40 ngày 22/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi

hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Song xuất phát từ bản tính tham lam, chây lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống và sinh hoạt của họ, gây mất trật tự, an toàn xã hội và bất bình trong Nhân dân nên cần xử lý thật nghiêm theo quy định của pháp luật.

Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ rõ sự ăn năn hối cải nên đã tác động gia đình bồi thường dân sự xong cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã thu hồi giao trả lại cho người bị hại, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, h, g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có bác ruột đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước và được Nhà nước công nhận là liệt sỹ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

Do bị cáo phạm tội với khung hình phạt cao nhất không quá 03 năm tù; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này chấp hành đúng chính sách pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân; không có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; Vì vậy Hội đồng xét xử thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo giao bị cáo cho chính quyền địa phương kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo và ấn định thời gian thử thách theo luật định cũng đủ sức răn đe, cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về phân trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, người bị hại Huỳnh N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 điện thoại di động hiệu Samsung A7, màu Gold (vàng) và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất cứ khoản nào khác nên ghi nhận. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn P đã nhận lại số tiền bỏ ra mua điện thoại của bị cáo và không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận. Ông Nguyễn Văn M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.800.000 đồng mà ông M đã bồi thường cho ông Nguyễn Tấn P nên ghi nhận.

Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc D phải nộp theo quy định của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 03/7/2017.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc D cho Ủy ban nhân dân xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre kết hợp cùng gia đình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Áp dụng Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Nguyễn Ngọc D phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000(Hai trăm ngàn) đồng.

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố BT (1b);
- Công an thành phố BT (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố BT (1b);
- Trung tâm TGPLNN tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã NT (1b);
- NTGTT (5b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang